

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (Nghị định số 38/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định 98/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 55/2023/TT-BTC);

Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 251/TTr-SNN&PTNT ngày 18/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025; với các nội dung chính sau:

1. Giải thích từ ngữ

a) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của các chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại Quyết định này gồm: (i) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị *(bao gồm sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác như tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn, ngành nghề, làng nghề nông thôn, dịch vụ)*; (ii) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; (iii) hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ và (iv) các nội dung hỗ trợ khác.

b) Vùng nguyên liệu tập trung là vùng sản xuất tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương, tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án liên kết để hợp tác với các nông dân, cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức đại diện nông dân để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư, đối tượng thụ hưởng của các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Đối tượng liên kết là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức đại diện nông dân.

đ) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại

diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Người đại diện của cộng đồng dân cư là tổ trưởng, trưởng nhóm do các thành viên cộng đồng bầu ra và phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự để thay mặt cộng đồng dân cư ký kết hợp đồng. Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Thực hiện theo Điều 1 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.

3. Phân chia địa bàn áp dụng: Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

4. Điều kiện hỗ trợ:

a) Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra còn đáp ứng các điều kiện: Các nội dung của dự án hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị phải phục vụ nhiệm vụ cơ cấu lại các ngành kinh tế (nhất là ngành nông nghiệp), phù hợp với định hướng sản xuất trong quy hoạch của địa phương (quy hoạch vùng huyện/quy hoạch chung thị xã, thành phố hoặc quy hoạch chung xây dựng xã), góp phần thực hiện tiêu chí tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và tiêu chí kinh tế của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao. Đảm bảo thời gian liên kết tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ nhằm thực hiện các hình thức liên kết quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ (kể cả liên kết thuộc ngành, nghề, lĩnh vực khác). Doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã khi tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị phải đảm bảo năng lực, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, hoạt động phù hợp với đối tượng cây trồng, vật nuôi, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, lĩnh vực khác có liên quan được dự án hỗ trợ. Nguồn vốn đối ứng là tài sản hoặc tiền mặt của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào dự án không bao gồm các tài sản đã được hình thành trước khi dự án được phê duyệt (máy móc, thiết bị, nhà xưởng,...).

b) Điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Nội dung, mức và phương thức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.

b) Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua dự án do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị.

6. Nội dung, mức và phương thức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.

Trong đó, hỗ trợ thù lao hợp Tổ thẩm định và bộ phận giúp việc Tổ thẩm định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng bằng theo mức Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại khoản 9 Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.

b) Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ do chính cộng đồng dân cư đề xuất và tổ chức thực hiện.

7. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công hỗ trợ: Hỗ trợ các danh mục sản phẩm, dịch vụ công có liên quan đến phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Xây dựng và trình diễn các mô hình: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững và các mô hình điển hình sản xuất tiên tiến nhân ra diện rộng của các chương trình, đề án, dự án.

- Tuyên truyền, tư vấn tập huấn những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất thuộc các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung

cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam).

Phương thức và thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh.

c) Mức hỗ trợ: Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 3 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

Hỗ trợ theo dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phương pháp và thẩm quyền quyết định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh.

d) Quy trình thực hiện, xây dựng dự án/đề án, thẩm quyền phê duyệt dự án/đề án mô hình sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo điểm 4 khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

8. Nội dung, mức và phương thức hỗ trợ các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ thông qua dự án được phê duyệt. Đơn vị được giao vốn có trách nhiệm xây dựng dự án, trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

9. Lập, phân bổ, thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Lập, phân bổ dự toán kinh phí

- Lập kế hoạch hằng năm: Các Sở, ngành có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí gửi về các Sở, ngành liên quan được giao chủ trì tham mưu các chương trình mục tiêu quốc gia (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh) theo thời gian quy định trong lập kế hoạch của từng Chương trình MTQG để tổng hợp, gửi Sở Tài chính để đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm báo cáo cấp có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

- Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC và các quy định có liên quan.

- Nguồn kinh phí: Thực hiện theo Điều 10 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn từ các chương trình dự án khác và các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

c) Các nội dung hỗ trợ về nhãn hiệu, đăng ký kiểu dáng công nghiệp được thanh toán hỗ trợ khi có văn bản chấp nhận đơn hợp lệ của cấp có thẩm quyền (kể cả các nội dung hỗ trợ nhãn hiệu, đăng ký kiểu dáng công nghiệp của các Nghị quyết liên quan được áp dụng tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND).

d) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng đối tượng, địa bàn, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định tại Quyết định này.

Riêng đối với dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chỉ thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và các hoạt động hỗ trợ sản xuất khác tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND (không thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hỗ trợ theo nhiệm vụ) và thực hiện trên địa bàn các xã (không hỗ trợ đối với địa bàn thuộc phường, thị trấn); chủ trì liên kết phải thuộc đối tượng thụ hưởng quy định tại khoản 2 mục II Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quy định số hộ dân tối thiểu tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Liên kết trong trồng trọt: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn khó khăn và địa bàn khác.

Riêng đối với liên kết trồng cây dược liệu: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với tất cả các địa bàn.

- Liên kết trong chăn nuôi: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với tất cả các địa bàn.

- Liên kết trong thủy sản: Tối thiểu 05 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn khó khăn và địa bàn khác.

- Liên kết trong lâm nghiệp: Tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với địa bàn khác.

- Liên kết trong sản xuất nấm: Tối thiểu 05 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án/kế hoạch đối với tất cả các địa bàn.

b) Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia/01 dự án/kế hoạch (tất cả các địa bàn).

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hoạt động hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia/01 dự án/phương án (tất cả các địa bàn).

3. Khuyến khích các địa phương hỗ trợ các dự án có nhiều hộ dân tham gia cao hơn mức hộ dân tham gia tối thiểu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giao nhiệm vụ, ủy quyền một số nội dung trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Giao, ủy quyền trong thẩm định, phê duyệt các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Đối với Sở, ngành, đơn vị của tỉnh (được phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia): Giao các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh thành lập Hội đồng và Tổ/bộ phận/cơ quan/đơn vị giúp việc Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và ủy quyền Thủ trưởng Sở, ngành, đơn vị của tỉnh phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện trên địa bàn tỉnh (bao gồm dự án trên địa bàn 01 cấp huyện hoặc liên huyện).

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) được phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giao UBND cấp huyện thành lập Hội đồng và Tổ/bộ phận/cơ quan/đơn vị giúp việc Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh (được phân bổ nguồn vốn các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia): (i) thành lập Tổ thẩm định và đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và (ii) phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng do các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh làm chủ đầu tư.

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật trong: (i) nông nghiệp, (ii) ngành nghề, làng nghề nông thôn (nếu có) cho phù hợp với điều kiện từng vùng trên địa bàn tỉnh (đối với những nội dung chưa được cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật).

3. Ủy quyền Giám đốc Sở Công Thương ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật trong tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn (nếu có) cho phù hợp với điều kiện từng vùng trên địa bàn tỉnh (đối với những nội dung chưa được cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật).

4. Thời gian giao, ủy quyền tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này: Đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 4. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*như tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn, ngành nghề, làng nghề nông thôn, dịch vụ du lịch*): Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.

2. Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Các đơn vị, địa phương thực hiện quy trình tại Mục I và được sử dụng các mẫu ban hành kèm theo tại mục II Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND để thực hiện nội dung này cho phù hợp với các quy định mới tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.

4. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác

a) Đối với chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất

UBND cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế căn cứ quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch có liên quan để điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm; thuê chuyên gia xây dựng đề án, dự án, kế hoạch, làm cơ sở để định hướng trong chỉ đạo, hỗ trợ (cần có kế hoạch/dự án/đề án chung trên toàn huyện để làm căn cứ chỉ đạo, hỗ trợ). Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm để tổ chức thực hiện.

Tổ chức/cá nhân (gọi tắt là cơ sở) thuê tư vấn để lập các hồ sơ có liên quan và gửi giấy đăng ký đến Cơ quan cấp mã số vùng trồng. Nội dung thực hiện, quy trình thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng và hướng dẫn của Sở

Nông nghiệp và PTNT trong việc cấp mã số vùng trồng.

Sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp mã số vùng trồng, Tổ chức/cá nhân gửi hồ sơ, chứng từ có liên quan đến UBND cấp huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế) để tổng hợp, thẩm tra trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt chi phí hỗ trợ.

Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ (ghi rõ tên tổ chức/cá nhân, người đại diện, địa chỉ, tài khoản, số kinh phí đề nghị hỗ trợ) kèm theo Giấy chứng nhận cấp mã số vùng trồng (Bản sao có chứng thực) và các hồ sơ có liên quan để xác định chi phí (Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ liên quan chứng minh chi phí thực hiện). Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ và chi hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân theo đúng quy định.

b) Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

UBND cấp huyện giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, xây dựng dự án hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại (mỗi đối tượng hỗ trợ xây dựng 01 dự án), bao gồm: chủ đầu tư, mục tiêu, đối tượng hỗ trợ, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung hỗ trợ (*ưu tiên hỗ trợ máy móc cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo quy hoạch, ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực, sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản và hỗ trợ máy móc, thiết bị đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản quy mô vừa và nhỏ để tiêu thụ các nông sản truyền thống, sản phẩm đặc sản của địa phương*), kinh phí, kế hoạch triển khai, đối ứng của các đối tượng hưởng lợi; trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án.

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Chủ tịch UBND cấp huyện phải tổ chức thẩm định và quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trên cơ sở đó, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế tổ chức thực hiện các thủ tục mua sắm hỗ trợ theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

Điều 5. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, giúp người dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa, nội dung cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án từ khi lập kế hoạch cho đến khâu giám sát thực hiện, đảm bảo công khai dân chủ, quản lý chặt chẽ, có hiệu quả. Xây dựng, ban hành kế hoạch, nội dung tuyên truyền sâu rộng, thiết thực, cụ thể về chính sách, tập trung vào các nội dung: Sự cần thiết, nội dung, mức của chính sách hỗ trợ; tuyên truyền, tham quan các dự án hiệu quả để nhân rộng, qua đó giúp người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin về chính sách để các đối tượng được hỗ trợ tích cực tham gia thực hiện.

2. Quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo điều kiện cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, cơ giới hóa, tưới tiêu khoa học, nhằm thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất khi thực hiện liên kết; rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch vùng huyện, trong đó có nội dung về quy hoạch sản xuất; mở rộng diện tích các cánh đồng lớn, cánh đồng kỹ thuật, cánh đồng có thu nhập cao để triển khai việc liên kết sản xuất gắn với cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. Vận động, hướng dẫn các HTX tập trung, tích tụ ruộng đất để liên kết sản xuất với các doanh nghiệp.

3. Thực hiện nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng, xây dựng các dự án cho chính cộng đồng đề xuất để hỗ trợ theo nhu cầu; triển khai mô hình hợp tác liên kết giữa các đối tượng thực hiện dự án với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

4. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm cho các đối tượng nghèo, cận nghèo giai đoạn 2021-2025, bảo đảm huy động đầy đủ kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định, tăng cường huy động nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp và tham gia đóng góp của người dân, đối tượng hưởng lợi. Chú trọng lồng ghép các nguồn vốn về phát triển sản xuất trong các chương trình MTQG, các nguồn vốn khuyến nông, khuyến công; vốn đầu tư kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi nhỏ, thủy lợi hóa đất màu; vốn hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND tỉnh, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Tập trung đào tạo nghề, tập huấn kiến thức kỹ thuật sản xuất, bảo quản, chế biến theo sản phẩm mà người dân đã lựa chọn, hướng họ tham gia vào sản xuất hàng hóa có thu nhập cao để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng cường tập huấn kỹ thuật, phổ biến kiến thức cho nông dân tham gia liên kết; chú trọng các quy trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn. Khuyến khích, hỗ trợ theo các quy định hiện hành cho việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến; cải tiến và nâng cao chất lượng đồng bộ để đáp ứng các yêu cầu trong việc liên kết. Xây dựng các dự án khuyến nông, lâm, ngư để chuyển giao trực tiếp các tiến bộ kỹ thuật đến người sản xuất. Đẩy mạnh áp dụng các định mức kinh tế, kỹ thuật cho các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, diêm nghiệp đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành (*theo các Quyết định số: 724/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/3/2020; 663/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/02/2021; 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/01/2014; 3438/QĐ-BNN-KTHT ngày 05/9/2019...*) và Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành (*Quyết định số 473/QĐ-SNN&PTNT ngày 16/9/2021*) và các văn bản hướng dẫn bổ sung các định mức kinh tế, kỹ thuật có liên quan của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT trong trường hợp triển khai thực hiện các dự án về nông nghiệp chưa có định mức.

6. Đẩy mạnh việc kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong việc ký kết hợp đồng có điều kiện ràng buộc, bảo đảm quyền lợi giữa hai bên, nhằm xây dựng mối liên kết sản xuất, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bền vững. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng liên kết để có giải pháp can thiệp, xử lý cho phù hợp, đảm bảo lợi ích của người nông dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn việc thành lập mới các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012 để hợp tác xã là cầu nối quan trọng trong chuỗi liên kết sản xuất, hợp tác xã kết nối và đại diện cho các thành viên ký kết hợp đồng với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa; hỗ trợ xây dựng các dự án nhằm hình thành hợp tác xã ở các địa bàn miền núi để tổng kết, nhân rộng. Chú trọng xây dựng các dự án phát triển sản xuất trong các lĩnh vực: Trồng trọt, dược liệu, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn...

7. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện giám sát và đánh giá dự án được thực hiện một cách dân chủ, công khai minh bạch nhằm phát huy mạnh mẽ tính chủ động sáng tạo của người dân và cộng đồng. Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đông bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng, gắn kết thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý các hoạt động của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

8. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hướng dẫn lập dự án đề nghị hỗ trợ; tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng thương thảo, ký kết các hợp đồng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng liên kết; kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc, phát sinh. Thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách; chú trọng công tác sơ kết, tổng kết đánh giá các dự án; chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính để giúp doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiếp cận với cơ chế, chính sách tại Quyết định này để thực hiện việc tổ chức sản xuất.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh theo dõi, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định;

b) Xây dựng kế hoạch và phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các hợp phần phát triển sản xuất của 02 Chương trình MTQG còn lại (giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi được giao quản lý) để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này; hỗ trợ kêu gọi các doanh nghiệp,

hợp tác xã tham gia thực hiện liên kết chuỗi giá trị; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đề xuất hướng xử lý nếu chủ trì liên kết hoặc đối tượng liên kết vi phạm hợp đồng.

c) Hướng dẫn các địa phương áp dụng các quy trình kỹ thuật, các định mức kinh tế - kỹ thuật để thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất được hiệu quả. Thường xuyên cập nhập các định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành để hướng dẫn các địa phương thực hiện cho phù hợp, nhất là các định mức kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nano.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, tập huấn, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý; theo dõi chỉ đạo của Trung ương đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp; tổng hợp chung các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất để giải quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được giao quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý; tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phát triển sản xuất trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

3. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định) phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi được giao quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp

chung báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý; tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phát triển sản xuất trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

4. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất phân bổ dự toán cho các địa phương, đơn vị của Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Ban Dân tộc tỉnh (không thẩm định lại dự toán), Sở Tài chính chủ trì rà soát, cân đối nguồn kinh phí sự nghiệp từ các Chương trình MTQG, ngân sách tỉnh hằng năm để tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ.

b) Theo dõi, hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương (nếu có) về việc thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được giao theo đúng quy định hiện hành. Theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về hình thức quay vòng trong hỗ trợ sản xuất cộng đồng, trường hợp có vướng mắc tổng hợp báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 cho phù hợp.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, các chủ trì liên kết xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo quy định; lồng ghép hỗ trợ nguồn vốn từ các nội dung khoa học công nghệ để thực hiện các nội dung hỗ trợ liên quan.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể liên quan triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng để tích cực triển khai thực hiện Quyết định này.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại cùng thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi trong nông nghiệp, nông thôn, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tiếp cận các nguồn vốn phục vụ phát triển sản xuất.

- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Nam đẩy mạnh việc thực hiện cho vay theo Nghị định số 28/2022/CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 để thực hiện cơ chế tại Quyết định này.

8. Các Sở, ngành liên quan: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Đối với các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được giao chủ đầu tư thực hiện các dự án, tiểu dự án trong các Chương trình MTQG có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định; khi kết thúc dự án tổ chức Hội đồng đánh giá hiệu quả dự án, nghiệm thu kết quả dự án. Đồng thời, chỉ đạo tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể các cấp phối hợp truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện tốt các nội dung quy định tại Quyết định này.

10. UBND cấp huyện, thị xã, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức hỗ trợ tại Quyết định này để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện; chỉ đạo UBND các xã xây dựng Đề án phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp để có cơ sở lập các dự án ưu tiên thực hiện, trong đó cần ưu tiên chỉ đạo thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có tính loan tỏa, có nhiều hộ dân tham gia, hướng đến các vùng sản xuất tập trung gắn với cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc; đối với dự án cộng đồng ưu tiên thực hiện các dự án có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, dự án do phụ nữ đề xuất tham gia.

b) UBND cấp huyện xây dựng, ban hành danh mục dự án phát triển sản xuất giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn để làm cơ sở lập dự án ưu tiên hỗ trợ hằng năm; phân công đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án; thực hiện nghiệm thu, quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí hỗ trợ và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện nội dung hỗ trợ theo Quyết định này.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã/chủ đầu tư lập, trình phê duyệt kế hoạch hỗ trợ hằng năm cho các dự án theo đúng quy định; tổng hợp kế hoạch của các xã trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chung của cấp huyện; xây dựng kế hoạch để tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp huyện để thông qua dự án hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quy trình, thời gian quy định, trong đó chú trọng chỉ đạo cơ quan chức năng ở huyện tham khảo theo giá trị trường (hoặc tư vấn thẩm định giá) các nội dung hỗ trợ có liên quan trên địa bàn tại cùng thời điểm trước khi họp Hội đồng thẩm định cấp huyện để quyết định trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án, dự toán cho từng nội dung hỗ trợ chi tiết; tùy điều kiện năng lực của từng xã có thể ủy quyền Chủ tịch UBND xã phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng trên cơ sở ý kiến của Tổ thẩm định; tổ chức triển khai, nghiệm thu, đánh giá kết quả đảm bảo theo đúng quy trình quy định. Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn.

d) Chỉ đạo Phòng, Ban liên quan (nếu Phòng, Ban làm chủ đầu tư), UBND cấp xã thực hiện việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra phê duyệt quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đối với nguồn vốn được giao theo quy định. Hằng năm, bố trí thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế của ngân sách địa phương (*ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ*) để đối ứng theo quy định và thực hiện các dự án

theo nhu cầu địa phương (*ưu tiên sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế của cấp huyện để hỗ trợ các dự án theo Quyết định này*); bố trí thêm ngân sách cấp huyện thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá dự án.

đ) Chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện theo đúng trình tự thủ tục, mẫu hồ sơ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định tại Quyết định này và khoản 3, Điều 8 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP về trình tự lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng.

e) UBND cấp huyện chỉ đạo các Phòng, ban liên quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các dự án do UBND cấp huyện phê duyệt. Định kỳ 6 tháng, 01 năm Phòng, Ban liên quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện tiến hành kiểm tra định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện các dự án theo cấp quản lý. Kết thúc dự án, UBND cấp huyện thành lập hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án (đối với dự án do UBND cấp huyện phê duyệt). Đồng thời, chỉ đạo tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các dự án, phương án, kế hoạch phát triển sản xuất (bao gồm dự án liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ và hỗ trợ phát triển sản xuất khác) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự án hoặc đã được xác lập hồ sơ trước ngày Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND và các nội dung có liên quan tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC cho phù hợp; các dự án mới triển khai sau ngày Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này và các quy định có liên quan.

b) Đối với các nội dung hỗ trợ: (i) Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (VietGap, GlobalGAP, GMP, ISO, HACCP) quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh (Nghị quyết 07) (ii) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các sản phẩm từ kinh tế vườn, kinh tế trang trại quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh (Nghị quyết 35): Được áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND theo cơ chế chi từ các nguồn vốn quy định tại Nghị quyết 07, Nghị quyết 35.

c) Đối với các nội dung hỗ trợ: (i) Đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp quy định

tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND; (ii) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản từ vườn, trang trại quy định tại điểm f khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND; (iii) Hỗ trợ xác lập, phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm trong dự án/kế hoạch liên kết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh: Được áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ có liên quan quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND theo cơ chế chi từ các nguồn vốn quy định tại Nghị quyết 07, Nghị quyết 35, Nghị quyết 17.

3. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng: Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Điều phối Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh, Chương trình giảm nghèo tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục PTNT;
- Phòng, Ban, Hội, đoàn thể liên quan và UBND xã, phường, thị trấn (do UBND cấp huyện sao gửi);
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH, KTN_(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn